

○対象施設一覧（小学校）

別紙

学校名	建物名	構造	階数	建築年度	築年数	延床面積（㎡）	備考
南郷小学校	17棟	RC	4	S50	50	772	長寿命化改修（R6～8）
	7棟	RC	3	S42	58	2,688	長寿命化改修（R6～8）
	6棟	RC	3	S41	59	912	長寿命化改修（R6～8）
	体育館	RC	2	S46	54	848	
	プール	-	-	H26	11	-	
住道北小学校	6棟	RC	4	S45	55	732	長寿命化改修（R7～8）
	11棟	RC	4	H21	16	1,825	
	4棟	RC	4	S41	59	1,881	長寿命化改修（R7～8）
	体育館	RC	1	S44	56	818	長寿命化改修（R7～8）
	プール	-	-	H21	16	-	
住道南小学校	7棟	RC	4	S44	56	2,399	長寿命化改修済
	20棟	RC	4	S47	53	1,861	長寿命化改修済
	21棟	RC	4	S49	51	996	長寿命化改修済
	11棟	RC	4	S49	51	886	長寿命化改修済
	体育館	RC	2	S59	41	945	長寿命化改修（R7）
	プール	-	-	H22	15	-	
四条小学校	2・7・10棟	RC	4	S51	49	3,528	
	1棟	RC	4	S51	49	1,954	
	体育館	RC	3	S54	46	945	
	プール	-	-	S52	48		
四条北小学校	2棟	RC	3	S42	58	2,190	長寿命化改修（R8～9）
	1・5棟	RC	3	S40	60	3,503	長寿命化改修（R8～9）
	体育館	RC	2	S42	58	749	長寿命化改修（R8～9）
	プール	-	-	H28	9	-	
深野小学校	9・12棟	RC	4	S49	51	3,926	
	1棟	RC	4	S45	55	2,776	
	体育館	RC	2	S49	51	835	
	プール	-	-	H25	12	-	
北条小学校	9棟	RC	4	S47	53	1,700	
	10棟	RC	4	S47	53	1,057	
	11棟	RC	4	S47	53	1,718	
	12棟	RC	4	S47	53	1,131	
	体育館	RC	3	S48	52	851	
	プール	-	-	R1	6	-	
氷野小学校	6棟	RC	4	S46	54	1,362	
	7棟	RC	4	S46	54	1,756	
	16棟	RC	4	S49	51	887	
	12棟	RC	4	S49	51	1,606	
	17棟	RC	2	S50	50	687	
	体育館	RC	2	S51	49	947	
	プール	-	-	R1	6	-	
泉小学校	9・17棟	RC	4	S47	53	4,010	
	15・18棟	RC	4	S49	51	2,519	
	体育館	RC	2	S52	48	940	
	プール	-	-	R1	6	-	
諸福小学校	3・5・7棟	RC	4	S49	51	3,202	長寿命化改修（R6～7）
	1・2棟	RC	4	S49	51	3,178	長寿命化改修（R6～7）
	体育館	RC	2	S52	48	948	
	プール	-	-	S50	50	-	
灰塚小学校	1-a棟	RC	4	S51	49	1,698	
	1-b棟	RC	4	S51	49	677	
	2棟	RC	4	S51	49	2,463	
	10棟	RC	4	H3	34	907	
	会議室棟	RC	2	H10	27	231	
	体育館	RC	2	S54	46	725	
	プール	-	-	S52	48	-	
三箇小学校	3・4・8・11棟	RC	4	S56	44	4,011	
	体育館	RC	2	S58	42	725	
	プール	-	-	S56	44	-	

○対象施設一覧（中学校）

別紙

学校名	建物名	構造	階数	建築年度	築年数	延床面積（㎡）	備考
南郷中学校	19棟	RC	4	H21	16	3,335	
	8・20棟	RC	4	S46	54	2,446	長寿命化改修済
	体育館	RC	4	H29	8	1,651	
	プール	-	-	H29	8	-	
住道中学校	22棟	RC	4	S52	48	1,677	
	8棟	RC	4	S42	58	1,174	
	9棟	RC	4	S50	50	1,070	
	10棟	RC	4	S50	50	2,605	
	11棟	RC	2	S50	50	244	
	体育館	RC	3	S53	47	1,002	
	プール	-	-	S42	58	-	
四条中学校	1棟	RC	4	S37	63	2,444	
	3-a棟	RC	4	S44	56	2,739	
	3-b棟	RC	4	S44	56	703	
	体育館	RC	2	S39	61	756	
	プール	-	-	H24	13	-	
深野中学校	9・14・24棟	RC	4	S47	53	2,856	
	7・15・20棟	RC	4	S46	54	3,701	
	体育館	RC	2	S48	52	898	
	プール	-	-	S50	50	-	
北条中学校	1・2棟	RC	4	S52	48	3,957	
	8・10・11棟	RC	4	S54	46	1,637	
	体育館	RC	2	S54	46	1,020	
	プール	-	-	S53	47	-	
谷川中学校	1棟	RC	4	S52	48	2,632	
	6棟	RC	4	S52	48	799	
	3棟	RC	4	S52	48	1,528	
	体育館	RC	2	S54	46	1,020	
	プール	-	-	S53	47	-	
諸福中学校	10棟	RC	4	S54	46	744	
	1棟	RC	4	S54	46	3,802	
	体育館	RC	2	S57	43	772	
	プール	-	-	S54	46	-	
大東中学校	1-1棟	RC	4	S57	43	1,446	
	1-1棟	RC	4	S57	43	2,898	
	体育館	RC	2	S58	42	780	
	プール	-	-	S58	42	-	